TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/10/2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chế Thị Mai;
2. Bà Y B Lư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K - tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh KonTum tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 462/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Y Y, sinh năm 1996. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh R, sinh năm 1989. Vắng mặt.
Cùng trú tại địa chỉ: Thôn K, xã I, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Y Y trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Tôi và anh R tự nguyên kết hôn với nhau và được UBND Ra Chim, thành phố K, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77 vào ngày 21/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh R thường xuyên chửi bới đánh đập tôi, không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình. Ngoài ra anh R còn chơi bời cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng đã sống ly thân được hơn ba năm. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R để có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Có 01 con chung là C, sinh ngày 23/11/2013. Khi ly hôn chị Y Y có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh R qua xác minh tại thôn trưởng thôn Klâu Klah ông Ksor Kip cho biết: Quá trình chung sống vợ chồng chị Y Y và anh R thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có mời thôn trưởng đến để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn anh R đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Y Y, nhưng anh R đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, xác định đúng thẩm quyền; thụ lý vụ án; thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195; 196 BLTTDS năm 2015; xác định tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 BLTTDS 2015.

- Về thời hạn giải quyết đúng theo Điều 203 BLTTDS 2015.

- Về thu thập chứng cứ đúng theo Điều 97 BLTTDS 2015.

- Việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập được thực hiện đúng các quy định của Pháp luật.

- Thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 207 đến Điều 211 BLTTDS 2015.

- Bị đơn anh R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh R.

Nhận xét và đề xuất:

Nhận xét- Trong qúa trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này Tòa án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Y và anh R đăng ký kết hôn ngày 21/8/2013 tại UBND Ra Chim, thành phố K, tỉnh K nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y Y là có căn cứ.

- Về nuôi con chung: Chị Y Y được đề nghị nuôi con chung là: C, sinh ngày 23/11/2013 và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Chị Y Y có công việc ổn định nên giao con chung nêu trên cho chị Y Y nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Y Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Y và anh R tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Ra Chim, thành phố K, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 21/3/2013. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Y Y và anh R là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh R thường xuyên cờ bạc, ngoài ra Y Y còn cho rằng anh R đánh đập chị, sống không quan tâm đến gia đình, hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn ba năm nay. Mâu thuẫn gia đình đã được thôn trưởng nơi anh chị cư trú hòa giải nhưng không thành. Lời khai của chị Y Y phù hợp với biên bản xác minh và có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay chị Y Y vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh R. Tòa án đã triệu tập và cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh R đã không đến để hòa giải, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nhà anh R và chính quyền địa phương, nhưng anh R vẫn không giao nộp các văn bản nêu ý kiến của mình. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y Y và anh R là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Theo biên bản xác minh ngày 06/8/2019 thôn trưởng thôn Klâu Klah ông Ksor Kip cho biết: Quá trình chung sống vợ chồng chị Y Y và anh R thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có mời thôn trưởng đến để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Y Y là đúng với quy định tại Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Y Y và R có 01 con chung là C, sinh ngày 23/11/2013. Khi ly hôn chị Y Y có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh R không giao nộp văn bản nêu ý kiến của mình chứng tỏ anh không có nguyên vọng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con của chị Y Y là chính đáng và phù hợp với điều kiện thực tế của chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y Y không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung của vợ chồng, anh R cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Y Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Bị đơn anh R đã được Tòa án tiêu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh R.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của chị Y Y đối với anh R, đề ngày 24/6/2019.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Y được ly hôn anh R.

2. Về con chung: giao con chung là C, sinh ngày 23/11/2013 cho chị Y Y nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Y Y phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001774 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum. Chị Y Y đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-10-2019) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân (xã) phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- T.H.A dân sự TP KonTum;
- UBND Ra Chim, Tp K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Trọng Nguyên